

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 3 LẦN 2 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1500966	Phan Quốc Vĩnh	01/01/1997		Công nghệ thực phẩm	
2	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1900399	Phạm Tấn An	21/09/1999		Công nghệ thực phẩm	
3	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1900678	Trần Thị Ngọc Ánh	12/06/2001	N	Công nghệ thực phẩm	
4	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107386	Lâm Yến Nhi	21/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
5	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107413	Hà Huy Lợi	04/08/2003		Công nghệ thực phẩm	
6	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2010583	Nguyễn Thúy Nhi	02/10/2001	N	Công nghệ sinh học	
7	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2002806	Quách Trần Gia Huy	08/02/2002		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
8	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2002835	Đặng Hoàng Khánh Thịnh	13/10/2002		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
9	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2010844	Nguyễn Ngọc Yên	30/06/2002	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
10	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2005022	Nguyễn Thị Diễm Thúy	19/05/2002	N	Công nghệ sau thu hoạch	
11	DA	6298/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104995	Nguyễn Thị Mai Anh	28/05/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
12	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1909903	Nguyễn Hoàng Đông	30/08/2001		Công nghệ thông tin	
13	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2000146	Nguyễn Phúc Khôi	02/08/2001		Công nghệ thông tin	
14	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2005710	Trần Tiến Đạt	23/06/2002		Công nghệ thông tin	
15	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2014589	Nguyễn Thành Nghĩa	23/04/2002		Công nghệ thông tin	
16	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2014614	Trần Hiếu Thiên	26/06/2002		Công nghệ thông tin	
17	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2014773	Nguyễn Hoàng Cao Phong	22/12/2002		Công nghệ thông tin	
18	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2014825	Lưu Quốc Đạt	13/04/2002		Công nghệ thông tin	
19	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111821	Phạm Ngọc Thi	16/04/2003	N	Công nghệ thông tin	
20	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111844	Nguyễn Châu Phúc Huy	16/05/2003		Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
21	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111859	Huỳnh Thiên Phú	27/04/2003		Công nghệ thông tin	
22	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2003764	Nguyễn Tiến	06/05/2002		Hệ thống thông tin	
23	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2003778	Dương Thành Đạt	16/04/2002		Hệ thống thông tin	
24	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2011994	Trần Ngọc Tín	01/04/2002		Hệ thống thông tin	
25	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2012004	Nguyễn Ngọc Phương Vy	04/10/2002	N	Hệ thống thông tin	
26	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2012047	Trần Thu Trang	07/04/2002	N	Hệ thống thông tin	
27	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110006	Nguyễn Hoàng Anh	10/05/2003		Hệ thống thông tin	
28	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1709528	Trần Quốc Duy	04/11/1999		Khoa học máy tính	
29	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1913339	Đặng Ngọc Thi	20/11/2001	N	Khoa học máy tính	
30	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2016999	Phan Anh Quý	30/12/2002		Khoa học máy tính	
31	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2017045	Huỳnh Việt Hưng	08/08/2002		Khoa học máy tính	
32	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2017071	Trần Thị Vũ Phụng	25/01/2002	N	Khoa học máy tính	
33	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2113340	Trương Văn Quý	12/05/2003		Khoa học máy tính	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
34	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2012214	Huỳnh Vĩ Khang	10/11/2002		Kỹ thuật phần mềm	
35	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2012284	Nguyễn Trường Vũ	16/09/2002		Kỹ thuật phần mềm	
36	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2103576	Danh Thị Ngọc Yến	15/03/2003	N	Kỹ thuật phần mềm	
37	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2004818	Nguyễn Tuần	24/10/2002		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
38	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013477	Ngô Hữu Khánh	07/08/2002		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
39	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013514	Nguyễn Tuấn Vũ	26/10/2002		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
40	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013547	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	06/10/2002	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
41	DI	6299/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013564	Nguyễn Như Thê	01/01/2001	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
42	FL	6300/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111595	Trần Bá Tùng	01/03/2003		Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
43	HG	6301/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2105091	Nguyễn Thê Sang	28/09/2003		Kinh doanh nông nghiệp	
44	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102490	Lê Hoàng Trúc Linh	03/11/2003	N	Hóa học	
45	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102552	Lê Thị Nhã Linh	11/05/2003	N	Hóa học	
46	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102575	Dương Đặng Ngọc Thảo	27/04/2003	N	Hóa học	
47	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1906268	Đỗ Trần Trâm Anh	19/09/2001	N	Sinh học	
48	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1805379	Trần Tử Văn	14/10/2000		Toán ứng dụng	
49	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1912537	Nguyễn Thị Xuân Ánh	11/10/2001	N	Toán ứng dụng	
50	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2109845	Cao Hoàng Khởi	04/05/2003		Toán ứng dụng	
51	KH	6302/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104204	Hồ Thị Như Ý	20/07/2003	N	Hóa dược	
52	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1905379	Nguyễn Phạm Huỳnh Anh	19/12/2001	N	Kế toán	
53	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108104	Nguyễn Thanh Ngân	14/02/2003	N	Kế toán	
54	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1910922	Nguyễn Lê Diễm My	20/01/2001	N	Kinh doanh quốc tế	
55	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206483	Trần Thị Kim Chi	13/01/2004	N	Kinh doanh quốc tế	
56	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1911391	Lê Thị Kim Ngân	20/08/2001	N	Kinh doanh thương mại	
57	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112154	Nguyễn Vĩnh Nghi	28/08/2003		Kinh tế	
58	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2001630	Võ Thị Phương Giao	22/07/2002	N	Kinh tế nông nghiệp	
59	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2101453	Đinh Võ Huỳnh Kim	01/10/2003	N	Kinh tế nông nghiệp	
60	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2103353	Trịnh Kim Xuân	26/10/2001	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
61	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2100051	Đặng Công Duy	21/06/2002		Marketing	
62	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112221	Lê Anh Thư	01/12/2003	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
63	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112243	Trần Thị Kim Ngân	28/03/2003	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
64	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2201033	Nguyễn Thanh Vy	09/12/2004	N	Quản trị kinh doanh	
65	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2105959	Nguyễn Thị Vân Anh	30/03/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
66	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112359	Dương Ngọc Thúy An	29/12/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
67	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112365	Nguyễn Ngọc Bích	04/12/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
68	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112367	Trần Mỹ Chi	21/10/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
69	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112391	Phan Bùi Xuân Nhi	02/09/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
70	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112395	Phan Hoàng Quế Phương	17/12/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
71	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112400	Ngô Phương Thảo	28/11/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
72	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112426	Nguyễn Hồng Đào	12/11/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
73	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112438	Trần Huỳnh Mai	03/11/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
74	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112447	Trần Tuyết Nhi	08/11/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
75	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112453	Võ Huỳnh Tú Quyên	21/01/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
76	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108189	Trần Việt Hạnh	12/02/2003	N	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
77	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108217	Diệp Hạnh Như	15/01/2003	N	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
78	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108223	Đặng Đức Thịnh	30/07/2003		Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
79	KT	6303/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110832	Trương Minh Huy	07/12/2003		Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
80	LK	6304/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108586	Huỳnh Thị Như Trang	29/09/2003	N	Luật	Luật thương mại
81	LK	6304/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108616	Trần Mai Hân	19/10/2003	N	Luật	Luật hành chính
82	LK	6304/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108759	Nguyễn Minh Khôi	08/01/2003		Luật	Luật hành chính
83	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2010038	Nguyễn Thị Hồng Nhị	30/04/2002	N	Khoa học môi trường	
84	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108818	Trần Ngọc Anh Thư	22/05/2003	N	Khoa học môi trường	
85	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1802277	Lê Thị Minh Nguyệt	04/04/2000	N	Quản lý đất đai	
86	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108496	Trần Duy Khánh	25/11/2003		Quản lý đất đai	
87	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2108501	Đinh Phước Lộc	08/03/2003		Quản lý đất đai	
88	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1912612	Đặng Ngọc Phú	17/07/2001		Quản lý tài nguyên và môi trường	
89	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2016497	Nguyễn Thị Thái Bình	22/01/2002	N	Quản lý tài nguyên và môi trường	
90	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106183	Huỳnh Ngọc Giao	19/07/2003	N	Quản lý tài nguyên và môi trường	
91	MT	6305/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112988	Vương Minh Khôi	27/12/2003		Quản lý tài nguyên và môi trường	
92	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102704	Phan Vĩ Tường	26/06/2003		Bảo vệ thực vật	
93	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1806045	Đỗ Tuấn Đạt	27/12/2000		Chăn nuôi	
94	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110216	Phan Trọng Phúc	19/10/2003		Chăn nuôi	
95	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106528	Nguyễn Tuấn Anh	23/02/2003		Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
96	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2113157	Đào Hoàn Mỹ	09/07/2002	N	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan	
97	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106425	Huỳnh Trọng Phúc	30/06/2003		Khoa học cây trồng	
98	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106463	Quách Gia Hào	17/01/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
99	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106491	Phạm Lê Như Ngọc	13/09/2003	N	Khoa học cây trồng	
100	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106509	Sơn Minh Thái	16/12/2003		Khoa học cây trồng	
101	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2207260	Phạm Văn Tấn Đặng	26/01/1995		Khoa học cây trồng	
102	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102591	Võ Anh Hào	19/01/2003		Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
103	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2101124	Nguyễn Thái An	31/10/2003	N	Nông học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
104	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2101139	Lê Huỳnh Đức	20/10/2003		Nông học	
105	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2101174	Nguyễn Thị Tố Như	15/10/2003	N	Nông học	
106	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1904749	Phạm Huỳnh Minh Khôi	02/09/2001		Thú y	
107	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2010865	Lâm Trần Quốc Huy	08/02/2002		Thú y	
108	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2010882	Lê Khải Minh	31/01/2002		Thú y	
109	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2005913	Phạm Thị Thanh Hồng	04/03/2002	N	Sinh học ứng dụng	
110	NN	6306/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2015047	Lê Hoàng Thi	20/10/2002		Sinh học ứng dụng	
111	SP	6307/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112866	Trịnh Trọng Quý	22/11/2003		Giáo dục Tiểu học	
112	SP	6307/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107595	Lê Hồng Ni	15/01/2003	N	Sư phạm Sinh học	
113	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2005492	Lâm Ngọc Luân	29/08/2002		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
114	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2014508	Trần Thị Hồng Nhung	01/02/2001	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
115	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2105352	Lý Gia Hân	14/10/2003	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
116	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107172	Nguyễn Trần Phương Trúc	30/05/2003	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
117	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111643	Lê Thị Mỹ Anh	14/11/2003	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
118	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111677	Tô Văn Thắng	15/06/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
119	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111678	Nguyễn Quốc Thịnh	20/02/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
120	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111708	Huỳnh Công Lý	07/09/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
121	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1907700	Đào Quốc Việt	05/11/2001		Kỹ thuật điện	
122	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2012736	Trần Văn Linh	01/02/2002		Kỹ thuật điện	
123	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104303	Phạm Bá Thắng	20/07/2003		Kỹ thuật điện	
124	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110482	Nguyễn Văn Hải	16/07/2003		Kỹ thuật điện	
125	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106561	Huỳnh Lê An	11/07/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
126	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106622	Võ Minh Khang	26/09/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
127	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2106636	Nguyễn Thiện Quý	23/01/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
128	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2016820	Đào Chí Cường	29/07/2002		Kỹ thuật máy tính	
129	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2113246	Trần Quốc An	23/12/2003		Kỹ thuật máy tính	
130	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2113265	Võ Hồng Sĩ	19/08/2003		Kỹ thuật máy tính	
131	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2113266	Trần Minh Tân	09/01/2003		Kỹ thuật máy tính	
132	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110320	Liêu Nguyễn Gia Bảo	31/12/2003		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
133	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110337	Lương Trọng Nghĩa	21/01/2000		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
134	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111759	Phù Nguyễn Xuân Mai	25/03/2003	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
135	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110274	Nguyễn Văn Quốc Huy	05/01/2001		Kỹ thuật cơ điện tử	
136	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104482	Đỗ Phúc Huy	13/01/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
137	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110648	Huỳnh Quốc Kiệt	14/11/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
138	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110666	Nguyễn Ngọc Vân Anh	16/11/2003	N	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
139	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110685	Trần Thị Diễm Quỳnh	06/10/2003	N	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
140	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013073	Nguyễn Nhựt Hào	06/12/2002		Kỹ thuật xây dựng	
141	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013339	Phan Hồ Phúc Vinh	08/09/2002		Kỹ thuật xây dựng	
142	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104569	Nguyễn Trọng Nghĩa	21/06/2003		Kỹ thuật xây dựng	
143	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104586	Nguyễn Văn Tài	22/10/2003		Kỹ thuật xây dựng	
144	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110707	Trần Thành Đạt	14/04/2003		Kỹ thuật xây dựng	
145	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110738	Nguyễn Giới Thạch	12/09/2003		Kỹ thuật xây dựng	
146	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2013377	Nguyễn Quang Đại	09/12/2002		Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
147	TN	6308/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2104685	Nguyễn Quốc Cường	21/09/2003		Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
148	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2109613	Trương Thu Nga	12/12/2003	N	Bệnh học thủy sản	
149	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2109627	Phạm Khắc Tâm	01/09/2000		Bệnh học thủy sản	
150	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2109631	Nguyễn Minh Thùy	23/11/2003	N	Bệnh học thủy sản	
151	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2109638	Trịnh Thị Tường Vi	16/07/2003	N	Bệnh học thủy sản	
152	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102941	Nguyễn Thị Ngọc Bích	18/08/2003	N	Công nghệ chế biến thủy sản	
153	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2102958	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	26/01/2003	N	Công nghệ chế biến thủy sản	
154	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2100875	Trương Trọng Nguyễn	07/07/2003		Nuôi trồng thủy sản	
155	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107656	Nguyễn Minh Nghĩa	03/09/2003		Nuôi trồng thủy sản	
156	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107702	Đỗ Phạm Anh Hào	29/12/2003		Nuôi trồng thủy sản	
157	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2107771	Trần Phước Hòa	02/12/2003		Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
158	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2103834	Trần Nguyễn Tuyết Ngân	04/02/2003	N	Quản lý thủy sản	
159	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2103863	Hồ Chí Thanh	23/03/2003		Quản lý thủy sản	
160	TS	6309/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2110252	Trang Quỳnh Như	14/09/2003	N	Quản lý thủy sản	
161	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2202905	Phan Thị Thúy An	25/08/2001	N	Thông tin - Thư viện	
162	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2015709	Lưu Quốc Kiệt	24/04/2002		Văn học	
163	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206604	Phạm Đăng Anh	16/09/2004	N	Văn học	
164	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206608	Võ Trường Chinh	02/09/2004		Văn học	
165	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206644	Phan Ngọc Như Ý	03/01/2004	N	Văn học	
166	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206647	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	05/12/2004	N	Văn học	
167	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2206675	Nguyễn Thị Tuyết Sương	08/02/2004	N	Văn học	
168	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2112623	Bùi Lâm Minh Nhựt	14/01/2003		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
169	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B2111060	Trần Thị Yến Nhi	25/02/2003	N	Triết học	
170	XH	6310/QĐ-ĐHCT	18/11/2025	B1908711	Trần Thị Thanh Trúc	09/04/2000	N	Xã hội học	